

Bản án số: 11/2017/KDTM-ST

Ngày: 27/10/2017

V/v tranh chấp: “Hợp đồng đặt cọc”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư

2. Bà Dương Thị Phụng

- *Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Nương* – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* Không có.

Ngày 27 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2017/TLST-KDTM, ngày 03 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng đặt cọc” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2017/QĐXXST-KDTM, ngày 20 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn B

Trụ sở chính: đường số 50, KCN N, KV5, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – Chức danh: Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh H, sinh năm 1960; địa chỉ đường B, KDC-91B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (văn bản ủy quyền ngày 26/5/2017). (có mặt)

- **Bị đơn:** Công ty cổ phần phát triển xây dựng P.

Trụ sở chính: Đường H, Phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Liêu Cát Phương T – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần phát triển xây dựng P.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/5/2017 của nguyên đơn, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Trần Thanh H đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 25/7/2013, Công ty trách nhiệm hữu hạn B (Bên B) (gọi tắt là Công ty B) có ký hợp đồng kinh tế số: 0018/HĐKT với Công ty cổ phần phát triển xây dựng P (Bên A) (gọi tắt là Công ty P) để được khai thác mỏ cát Tân Bình 1 thuộc xã T và xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, thời hạn 03 tháng kể từ ngày 01/8/2013. Ngày 03/8/2013, hai bên ký thêm phụ lục hợp đồng nội dung là Bên B đưa tiền cọc cho Bên A bằng 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng); tại khoản 4 Điều 4 của hợp đồng có quy định “*Khi hết hạn hợp đồng bên A hoàn tiền cọc cho bên B, khi bên B không vi phạm các điều kiện trong biên bản này*”. Trong thời hạn thực hiện hợp đồng khai thác mỏ cát, bên B đã thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản của hợp đồng; khi hết hợp đồng bên B có yêu cầu bên A hoàn trả lại tiền cọc nhưng bên A hèn nhát nhiều lần, cố ý né tránh không trả cho bên B.

Do đó, nguyên đơn là Công ty TNHH B khởi kiện, có ông Trần Thanh H làm đại diện yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần phát triển xây dựng P hoàn trả lại số tiền đặt cọc 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng). Riêng đối với yêu cầu tính tiền lãi chậm thanh toán thì xin rút lại, do hiện nay chưa đủ chứng cứ chứng minh.

Bị đơn là Công ty cổ phần phát triển xây dựng P không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có trụ sở tại Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, yêu cầu trả số tiền đặt cọc theo hợp đồng kinh tế số: 0018/HĐKT/PHUONGTHAO. Xét thấy, giữa nguyên và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh, việc ký kết hợp đồng đều có mục đích lợi nhuận, cho nên, đây là vụ án kinh doanh thương mại tranh chấp về “*Hợp đồng đặt cọc*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã triệu tập bị đơn là Công ty cổ phần phát triển xây dựng P tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Công ty P trả số tiền đặt cọc, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ Hợp đồng kinh tế 0018/HĐKT/PHUONGTHAO

ngày 25/7/2013, về việc “Đưa tàu đặt cầu vào khai thác cát”, phụ lục hợp đồng số 0018-01/PLHĐKT/PHUONGTHAO ngày 03/8/2013 và hai biên nhận ngày 27/7/2013 và 03/8/2013 thể hiện giữa nguyên và bị đơn có ký kết hợp đồng kinh tế và bị đơn nhận tiền đặt cọc 210.000.000đ là có thật; và lại, bị đơn cũng không phản đối những tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp, cho nên căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử công nhận tình tiết này là sự thật. Xét hợp đồng kinh tế và phụ lục hợp đồng nêu trên được nguyên và bị đơn ký kết trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc, được lập thành văn bản có chữ ký và đóng dấu của Công ty cổ phần phát triển xây dựng P là phù hợp pháp luật quy định tại Điều 358 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Tại Điều 4 của Hợp đồng kinh tế các bên có thỏa thuận “*Khi hết hợp đồng bên A hoàn trả lại tiền cọc cho bên B khi bên B không vi phạm các điều kiện trong biên bản này*”, về thời hạn hợp đồng là 03 tháng kể từ ngày 01/8/2013; trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty P không chứng minh được Công ty B có vi phạm các điều kiện của hợp đồng hoặc từ chối việc giao kết thực hiện hợp đồng dân sự, nhưng hết thời hạn hợp đồng mà Công ty P không hoàn trả lại số tiền đặt cọc cho Công ty B là trái pháp luật. Do đó, Công ty B yêu cầu Công ty P hoàn trả số tiền đặt cọc 210.000.000đ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp khoản 2 Điều 358 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Xét yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/4/2014 đến ngày xét xử, Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện cho nguyên đơn xin rút lại yêu cầu này, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông H là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, không trái pháp luật hay đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, cho nên, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm bằng 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; **khoản 2 Điều 244; Điều 218** và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 358 của Bộ luật Dân sự 2005 và khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn B, có ông Trần Thanh H làm đại diện, về việc yêu cầu tiền lãi chậm thanh

toán. Công ty trách nhiệm hữu hạn B được quyền khởi kiện lại yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn B, có ông Trần Thanh H làm đại diện.

Buộc Công ty cổ phần phát triển xây dựng P trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn B số tiền đặt cọc bằng 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng).

Thời hạn thanh toán khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc Công ty cổ phần phát triển xây dựng P nộp 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn B tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bằng 7.140.000đ (Bảy triệu một trăm bốn mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002702, ngày 23/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Báo cho nguyên đơn biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- Các đ/s;
- Lưu: VT,...

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tấn Thành